

Số: /2026/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về một số chính sách phát triển thủy sản
thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 41/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Thực hiện Thông báo số -TB/TU ngày tháng năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quy định về một số chính sách phát triển thủy sản thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên; Báo cáo thẩm tra số ... ngày / /2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Nghị quyết Quy định về một số chính sách phát triển thủy sản thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về một số chính sách phát triển thủy sản thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

(Có Quy định kèm theo).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (Cơ sở dữ liệu Quốc gia về pháp luật);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VTĐT.

CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH
Về một số chính sách phát triển thủy sản
thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này Quy định về một số chính sách phát triển thủy sản thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, Tổ hợp tác và các tổ chức khác (gọi chung là tổ chức); hộ gia đình, cá nhân (gọi chung là cá nhân) tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong triển khai các chính sách phát triển thủy sản thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Hưng Yên theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; bảo đảm quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, chính sách.

b) Đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp việc hỗ trợ với các cơ chế chính sách hỗ trợ từ các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch khác.

c) Trong cùng một thời điểm và cùng một nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau của tỉnh thì đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ được lựa chọn một mức hỗ trợ cao nhất và được hỗ trợ một lần cho các chính sách (trừ nội dung hỗ trợ thuê nhân công thu dọn vỏ ngao chết quy định tại mục 2 Điều 6 và nội dung hỗ trợ hóa chất phòng chống dịch bệnh quy định tại mục 1 Điều 9 Nghị quyết này).

d) Kinh phí hỗ trợ chỉ giải ngân sau khi các đối tượng được hỗ trợ đã hoàn thành xong nội dung công việc (trừ những nội dung giao cho cơ quan nhà nước thực hiện) và có đầy đủ hồ sơ theo quy định.

đ) Giá thị trường nhận chính sách hỗ trợ là giá tại thời điểm các đối tượng thụ hưởng mua. Căn cứ tính giá được tính theo báo giá thấp nhất tại thời điểm mua của các đơn vị cung cấp.

e) Các đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ phải đảm bảo đầy đủ các điều kiện hỗ trợ, cung cấp đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc phiếu thu hợp lệ khi đề

ngiht hỗ trợ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực trong kê khai hồ sơ và các quy định pháp luật khác có liên quan. Thời gian trên hóa đơn, chứng từ hoặc phiếu thu thể hiện từ ngày nghị quyết này có hiệu lực.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Điều 4. Hỗ trợ phát triển nuôi thủy sản trong ao bán nổi

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân chuyển đổi đất trồng lúa sang nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Diện tích đất được chuyển đổi nằm trong kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; vùng chuyển đổi có quy mô tối thiểu 10 ha.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% kinh phí đào đắp bờ ao, kinh phí mua con giống, kinh phí mua sắm thiết bị quạt nước, máy sục khí, máy cho ăn, bạt lót bờ. Mức hỗ trợ tối đa không quá 150 triệu đồng/ha.

Điều 5. Hỗ trợ phát triển lồng nuôi thủy sản trên sông

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân nuôi thủy sản bằng lồng bè trên sông thuộc địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ: Có giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè theo quy định của pháp luật về thủy sản; lồng nuôi được đầu tư mới 100%, khung lồng nuôi làm bằng vật liệu thép mạ kẽm, nhựa HDPE; thể tích tối thiểu của 01 lồng nuôi là 100m³; quy mô tối thiểu của một cơ sở từ 1.000 m³ lồng nuôi trở lên.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư mới, mức hỗ trợ 25 triệu đồng/lồng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

Điều 6. Hỗ trợ phát triển nuôi nhuyễn thể trên địa bàn tỉnh

1. Hỗ trợ phát triển nuôi hào cửa sông

a) Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân nuôi hào cửa sông thuộc địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ

Có giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè theo quy định của pháp luật về thủy sản; bè nuôi được đầu tư mới 100% để phục vụ nuôi hàu cửa sông; diện tích tối thiểu 01 bè nuôi là 70m²; quy mô tối thiểu của một cơ sở nuôi từ 3.500m² trở lên.

c) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một phần kinh phí đầu tư bè nuôi hàu cửa sông mới, mức hỗ trợ 01 triệu đồng/bè. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

2. Hỗ trợ phát triển nuôi ngao bãi triều

a) Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân nuôi ngao bãi triều trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ

Được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định

c) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một phần chi phí thuê công nhân thu dọn vỏ ngao khi ngao bị chết (tỷ lệ chết ít nhất từ 30% số lượng ngao có trong bãi nuôi). Mức hỗ trợ 3 triệu đồng/ha.

3. Hỗ trợ phát triển ương ngao trong đầm

a) Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân ương ngao trong đầm nước lợ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ

Được cơ quan có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất theo quy định.

c) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ một phần chi phí cải tạo ương ngao giống trong đầm nước lợ. Mức hỗ trợ 50 triệu đồng/ha.

Điều 7. Hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ.

1. Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản thực hiện ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nuôi trồng thủy sản; Được cơ quan có thẩm quyền giao đất cho thuê đất theo quy định; Có giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè hoặc đối tượng thủy sản nuôi chủ lực nếu nuôi lồng bè hoặc nuôi đối tượng chủ lực; quy mô nuôi tối thiểu 01 ha đối với hình thức nuôi ao, đầm bao gồm khu nuôi và ao chứa nước xử lý; tối thiểu là 1.000 m³ đối với hình thức nuôi lồng trên sông.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư mua sắm mới thiết bị, bao gồm: Hệ thống cho ăn tự động; cảm biến IoT giám sát chất lượng nước; Camera giám sát cơ sở nuôi; máy sục khí nano; Máy quạt nước tự động, Hệ thống lọc nước tuần hoàn (RAS). Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

b) Hỗ trợ 40% kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống nhà lưới, nhà màng và các công nghệ tương tự khác. Mức hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/cơ sở.

Điều 8. Hỗ trợ cơ sở sản xuất giống thủy sản

1. Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân sản xuất giống thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Có Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất giống thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản; quy mô cơ sở sản xuất tối thiểu từ 500 m²/cơ sở.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 50% chi phí mua đàn giống thủy sản bố mẹ để phục vụ sản xuất giống theo công suất thiết kế của cơ sở. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/cơ sở.

Điều 9. Hỗ trợ phòng, chống dịch bệnh trên thủy sản nuôi

1. Hỗ trợ hóa chất phòng chống dịch bệnh trên thủy sản nuôi.

a) Đối tượng hỗ trợ

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Điều kiện hỗ trợ

Hoạt động nuôi trồng thủy sản theo đúng thời vụ cơ quan chuyên môn khuyến cáo.

c) Nội dung, mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 100% chi phí mua hóa chất phòng dịch bệnh thủy sản tại vùng nuôi tập trung, các cơ sở nuôi thâm canh, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản trên địa bàn tỉnh.

- Hỗ trợ 100% chi phí mua hóa chất chống dịch khi phát sinh dịch bệnh

- Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện giám sát chủ động, bị động các loại bệnh nằm trong danh mục công bố dịch.

Hàng năm, tùy theo tình hình thực tế cơ quan chuyên môn về thú ý thủy sản đề xuất loại hóa chất dùng để phòng, chống dịch và loại bệnh để trình phê duyệt kinh phí cấp cho công tác phòng chống dịch bệnh; thời gian, địa điểm lấy mẫu giám sát và dự kiến kinh phí lấy mẫu theo quy định.

2. Hỗ trợ xây dựng và duy trì cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản

a) Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân được cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh lĩnh vực thủy sản theo quy định.

c) Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% chi phí xét nghiệm mẫu trong thực hiện đánh giá lần đầu; 50% chi phí xét nghiệm mẫu trong thực hiện duy trì điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh hàng năm. Ngoài ra, các cơ sở an toàn dịch bệnh được hưởng các cơ chế, chính sách khác có liên quan.

Mục 2

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHAI THÁC THỦY SẢN

Điều 10. Hỗ trợ đóng mới tàu cá vỏ thép, vỏ composite.

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là chủ tàu) đóng mới và sở hữu tàu cá vỏ thép, vỏ composite khai thác hải sản xa bờ, có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Tàu cá đóng mới sử dụng máy thủy, trang thiết bị hàng hải, ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác thủy sản, trang thiết bị bảo quản hải sản phải mua mới 100%.

b) Chủ tàu là thành viên của tổ đội, hợp tác xã, doanh nghiệp khai thác hải sản.

c) Tàu khai thác hải sản xa bờ làm nghề lồng bẫy, nghề chụp, nghề vây, nghề câu, nghề lưới rê (trừ lưới rê thu ngư), nghề hậu cần đánh bắt nguồn lợi thủy sản; có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản và Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá còn hiệu lực.

d) Chủ tàu phải cam kết không bán tàu cá ra ngoài phạm vi tỉnh Hưng Yên khi chưa đủ thời gian 05 năm kể từ ngày nhận kinh phí hỗ trợ.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 40% theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ, bao gồm cả máy móc, trang thiết bị hàng hải, thiết bị phục vụ khai thác, ngư cụ, trang thiết bị bảo quản hải sản theo thực tế nhưng không quá 7 tỷ đồng.

Điều 11. Hỗ trợ bảo hiểm

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá khai thác hải sản có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 6 mét trở lên.

Thuyền viên làm việc trên tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 06 mét trở lên đang hoạt động khai thác hải sản.

2. Điều kiện hỗ trợ

a) Hỗ trợ bảo hiểm tai nạn thuyền viên

Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 06 mét trở lên đang hoạt động khai thác hải sản; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực.

b) Hỗ trợ bảo hiểm thân tàu, ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác hải sản.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 12 mét trở lên đến dưới 15 mét; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 15 mét trở lên; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực và Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá còn hiệu lực.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ bảo hiểm tai nạn thuyền viên

Hỗ trợ 100% theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp kinh phí mua bảo hiểm tai nạn thuyền viên.

b) Hỗ trợ bảo hiểm thân tàu, ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác hải sản.

Hỗ trợ 100% theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, ngư cụ, trang thiết bị phục vụ khai thác hải sản.

Điều 12. Hỗ trợ cước dịch vụ vệ tinh nhật ký khai thác thủy sản điện tử cho tàu cá

1. Đối tượng hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu tàu cá khai thác hải sản có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 12 mét trở lên.

2. Điều kiện hỗ trợ

Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 12 mét trở lên đến dưới 15 mét; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản còn hiệu lực.

Tàu cá có chiều dài lớn nhất ($L_{\max}$) từ 15 mét trở lên; có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá, Giấy phép khai thác thủy sản và Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với thiết bị giám sát hành trình lắp đặt trên tàu cá còn hiệu lực.

3. Nội dung, mức hỗ trợ

Hỗ trợ 100% theo hoá đơn, chứng từ hợp pháp cước dịch vụ vệ tinh nhật ký khai thác thủy sản điện tử dành cho tàu cá, nhưng không quá 300.000 đồng/tháng/tàu cá.

Chương III

NGUỒN VỐN, THỜI GIAN HỖ TRỢ VÀ PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ

Điều 13. Nguồn vốn và thời gian hỗ trợ

1. Nguồn vốn: Từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.
2. Thời gian hỗ trợ: Từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành

Điều 14. Phương thức hỗ trợ

1. Hỗ trợ sau đầu tư:

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với dự án đáp ứng điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này. Việc hỗ trợ được thực hiện sau khi hạng mục đầu tư hoàn thành, được giao cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu theo quy định (trừ những nội dung giao cho cơ quan nhà nước thực hiện) và được giải ngân 100% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ theo Nghị quyết này thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân được hỗ trợ; không hạch toán là tài sản công, trừ trường hợp tài sản được bàn giao cho cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, sử dụng thì việc quản lý, sử dụng và hạch toán tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Chủ tàu cá tại Điều 10 phải hoàn trả 100% kinh phí đã được tỉnh hỗ trợ nếu bán tàu cá ra ngoài phạm vi tỉnh Hưng Yên khi chưa đủ thời gian 05 năm kể từ ngày nhận kinh phí hỗ trợ.

2. Hỗ trợ liên quan đến vốn sự nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung quy định

1. Khi các văn bản pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, đề xuất, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Nội dung hỗ trợ phát triển thủy sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực và đang thực hiện thì được tiếp tục thực hiện theo nội dung đã được phê duyệt.

2. Nội dung hỗ trợ phát triển thủy sản chưa được cơ quan có thẩm quyền

phê duyệt, thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.